

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành,
tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Công văn số 1967/UBND-NCTH ngày 11 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh v/v chủ trương lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 271/TTr-SXD ngày 12 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và giai đoạn lập quy hoạch

Toàn bộ địa giới hành chính huyện Châu Thành với 08 đơn vị hành chính bao gồm 2 thị trấn: Ngã Sáu, Mái Dầm và 6 xã: Đông Phú, Đông Phước, Đông Phước A, Đông Thạnh, Phú Hữu, Phú Tân. Có tổng diện tích 14.090 ha được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ;
- Phía Nam giáp thành phố Ngã Bảy;
- Phía Tây giáp huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp;
- Phía Đông Bắc giáp sông Hậu, ngăn cách với huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; phía Đông Nam giáp huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Giai đoạn lập quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành được nghiên cứu cho giai đoạn: Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Dự báo về quy mô dân số:

- Đến năm 2030: Dân số toàn huyện dự kiến 140.000 - 145.000 người;
- Đến năm 2040: Dân số toàn huyện dự kiến 185.000 - 190.000 người;
- Đến năm 2050: Dân số toàn huyện dự kiến 220.000 - 230.000 người.

2. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

- Hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện trở thành trung tâm đô thị - công nghiệp của Tỉnh và các xã đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023, huyện Châu Thành trở thành huyện nông thôn mới trước năm 2025.

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hậu Giang, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Châu Thành. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, môi trường và các dịch vụ xã hội phù hợp với định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, hướng đến thành lập thị xã trong tương lai.

- Tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng đặc thù và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong địa giới hành chính huyện Châu Thành phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tập trung phát triển các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh để nâng cao giá trị sản xuất; tập trung đề xuất các khu vực có lợi thế để phát triển công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ cho phát triển công nghiệp một cách bền vững, phù hợp theo xu thế phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tích hợp định hướng các quy hoạch ngành gồm quy hoạch sử dụng đất; các quy hoạch giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi của Tỉnh thuộc phạm vi của huyện vào quy hoạch xây dựng vùng huyện...

- Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng với các thế mạnh về liên kết giao thông thủy, bộ, dịch vụ vận chuyên, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, văn hóa, du lịch, sinh thái và cảnh quan.

- Tạo cơ hội kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế phù hợp với bản sắc văn

hóa, phong tục tập quán của địa phương và phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hậu Giang trong thời kỳ mới.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng, kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch các khu chức năng khác để thu hút và đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

3. Tính chất

- Là cửa ngõ giao thông và thông thương quan trọng phía Đông Bắc của tỉnh; Hành lang đô thị và công nghiệp Tây sông Hậu.

- Là khu vực động lực phát triển hậu cần công nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm phát triển dịch vụ thương mại, cân bằng môi trường sinh thái.

- Là vùng phát triển công nghiệp trọng điểm của tỉnh Hậu Giang, trong đó trọng tâm phát triển công nghiệp đa ngành nghề như: chế biến, sơ chế nông sản, thủy sản, công nghiệp năng lượng, công nghiệp kỹ thuật cao, Logistics....

- Là vùng phát triển đô thị, dịch vụ, công nghiệp tập trung của tỉnh.

- Là vùng phát triển, sản xuất nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao.

- Là vùng phát triển các không gian dịch vụ du lịch - sinh thái miệt vườn và bảo tồn, dịch vụ du lịch bản sắc sông nước.

- Là khu vực cung cấp các dịch vụ vận chuyển, hàng hóa nông sản xuất khẩu và nguyên liệu đầu vào cho các ngành, công nghiệp chế biến nông sản của vùng và quốc tế. Đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh cũng như vùng đồng bằng sông Cửu Long.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế - xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật, v.v... đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực; đối với các khu vực nông thôn cần phải đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao. Với tiêu chí đạt đô thị loại IV, đô thị loại V giai đoạn đến năm 2030.

STT	DANH MỤC	CHỈ TIÊU
I	Chỉ tiêu đô thị loại IV	
1	Quy mô dân số	≥50.000 người
2	Mật độ dân số	≥1.200 người/km ²
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	≥55%
4	Chỉ tiêu đất dân dụng	≥80m ² /người
II	Chỉ tiêu đô thị loại V	
1	Quy mô dân số	≥4.000 người
2	Mật độ dân số	≥1.000 người/km ²

STT	DANH MỤC	CHỈ TIÊU
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	$\geq 55\%$
4	Chỉ tiêu đất dân dụng	$\geq 80\text{m}^2/\text{người}$
III	Chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn	$\geq 37\text{m}^2/\text{người}$
1	Đất ở	$\geq 25\text{m}^2/\text{người}$
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ	$\geq 5\text{m}^2/\text{người}$
3	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	$\geq 5\text{m}^2/\text{người}$
4	Đất cây xanh công cộng	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$
IV	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật	
1	Cấp nước sinh hoạt đô thị	110 – 130l/người-ngđ
2	Cấp nước ngoại thành – nông thôn	80% nước SH đô thị
3	Cấp nước khu công nghiệp tập trung	$> 20\text{m}^3/\text{ha-ngđ}$
4	Thoát nước thải đô thị	$\geq 80\%$ lượng nước cấp
5	Lượng chất thải rắn đô thị	0,9kg/người – ngày
6	Tỷ lệ thu gom ở đô thị	85-90%
7	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt đô thị	450 -1000KWh/người.năm
8	Chỉ tiêu cấp điện công nghiệp	120 - 350KW/ha
9	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt điểm dân cư nông thôn	$> 50\%$ chỉ tiêu ở đô thị
10	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên ở nông thôn	$\geq 99,5\%$
11	Tỷ lệ đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa	100% cứng hóa ($\geq 50\%$ nhựa hóa hoặc bê tông hóa)
12	Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa	100% ($\geq 50\%$ bê tông hóa)

Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội: Tuân thủ kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng nông thôn.

Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: Sẽ được xem xét cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực phù hợp Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

5. Các yêu cầu nội dung nghiên cứu quy hoạch

a) Yêu cầu về điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu

- Điều tra thu thập dữ liệu về điều kiện tự nhiên:

+ Thu thập các tài liệu điều tra và đánh giá về điều kiện tự nhiên: khí hậu, địa hình, địa chất, thủy văn, tình hình ngập lụt, biến đổi khí hậu, tài nguyên tự nhiên và nhân văn.

+ Đánh giá chung về môi trường tự nhiên.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội:

+ Về phát triển kinh tế: khái quát về tình hình phát triển trên phạm vi toàn huyện, cơ cấu kinh tế, hướng chuyển dịch..., những khu vực kinh tế chủ đạo, ngành nông nghiệp, ngành du lịch.

+ Về dân số, lao động: quy mô và cơ cấu dân cư đô thị - nông thôn, phân bố theo độ tuổi, về phân bố lao động, nghề nghiệp, tỷ lệ tăng dân số.

+ Về phân bố dân cư: phân bố theo đơn vị hành chính và tình hình phân bố dân cư đô thị.

+ Đánh giá chung về hiện trạng kinh tế xã hội.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng sử dụng đất đai:

+ Thống kê và đánh giá hiện trạng sử dụng đất toàn huyện.

+ Quy mô, tính chất và phân bố các khu vực đô thị, nông thôn, khu công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, du lịch,... trên địa bàn.

+ Đánh giá chung về hiện trạng sử dụng đất.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn: Lịch sử hình thành, tình hình xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, nông thôn qua các giai đoạn.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng hạ tầng xã hội:

+ Tổng hợp, thống kê và đánh giá hiện trạng nhà ở, dịch vụ công cộng: giáo dục, y tế, văn hóa – thể dục thể thao,... trên địa bàn huyện.

+ Đánh giá chung về hiện trạng hạ tầng xã hội.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông: hiện trạng giao thông đường bộ, công trình phục vụ giao thông toàn huyện.

+ Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng: hiện trạng nền, thoát nước mặt toàn huyện và khu vực đô thị, hiện trạng công trình thủy lợi.

+ Hiện trạng cấp điện: hiện trạng nguồn điện, lưới điện, phụ tải,...

+ Hiện trạng cấp nước: hiện trạng nguồn nước, các nhà máy cấp nước trong vùng; Hiện trạng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

+ Đánh giá chung về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật; Điều tra đánh giá hạ tầng thủy lợi phục vụ du lịch, giao thông thủy.

- Điều tra thu thập các dự báo, định hướng phát triển ngành, các quy hoạch và dự án xây dựng:

+ Các định hướng có liên quan đến vùng tỉnh về xu hướng đô thị hóa, các phân vùng chức năng lớn, tổ chức không gian vùng huyện, các trọng điểm phát triển đô thị, các khu thương mại, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, các khu vực bảo vệ rừng... và các định hướng khung hạ tầng diện rộng.

+ Các định hướng vùng liên huyện trong phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất đai, phát triển các ngành, những trọng điểm đầu tư về công nghiệp, du lịch... Một số dự kiến phát triển của các đô thị và các điểm dân cư.

+ Điều tra: Các dự án đầu tư cấp vùng, các dự án cấp tỉnh tại địa bàn quy hoạch.

- Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực:

+ Rà soát tình hình lập, triển khai các quy hoạch có liên quan, các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch .

+ Đánh giá các mục tiêu đã thực hiện, các tác động, hiệu quả của việc thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

+ Phân tích những yếu tố mới trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực lập quy hoạch.

b) Yêu cầu định hướng phát triển không gian vùng

- Cập nhật, đề xuất các định hướng phát triển không gian vùng huyện gắn kết với các vùng lân cận, phù hợp với định hướng phát triển không gian của tỉnh.

- Xác định các trục động lực phát triển, phân vùng phát triển.

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng.

- Nghiên cứu, kiểm soát phát triển các khu, cụm công nghiệp, các khu vực có thế mạnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các khu vực phát triển thương mại – dịch vụ, v.v... Xác định quy mô, ranh giới, tính chất, chức năng và các điều kiện phát triển.

- Định hướng bảo tồn và bảo vệ di sản, đặc biệt chú trọng đến các khu di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia, đề xuất các giải pháp bảo vệ di sản.

- Về các định hướng xây dựng nông thôn mới:

+ Định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

+ Xác định, tổ chức hệ thống điểm dân cư nông thôn; Xác định các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, các khu vực sản xuất.

- Định hướng hệ thống công trình hạ tầng xã hội: Phân bổ và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

c) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện:

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Phân tích đánh giá về địa hình, cảnh báo các vùng cấm hoặc hạn chế xây dựng. Tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016 để xác định cao độ nền xây dựng; Xác định lưu vực, hướng thoát nước chính.

+ Cấp nhập các công trình thủy lợi, đề xuất các giải pháp về phòng chống và xử lý các biến đổi khí hậu.

- Giao thông

+ Xác định các hành lang, chiến lược giao thông quốc gia liên quan trực tiếp đến vùng huyện.

+ Phân tích ảnh hưởng và xác định các hành lang giao thông đối ngoại quan trọng:

+ Tổ chức mạng lưới và xác định quy mô các tuyến giao thông, các công trình giao thông cấp vùng huyện về đường bộ, đường thủy.

+ Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết vùng; Tổ chức hệ thống giao thông đô thị và nông thôn.

+ Đề xuất các giải pháp an toàn giao thông và hành lang bảo vệ.

- Cấp điện:

+ Xác định nguồn điện, vị trí, quy mô các công trình đầu mối như nhà máy điện, trạm biến áp; Chỉ tiêu cấp điện cho các loại phụ tải trong vùng: sản xuất, sinh hoạt.

+ Dự báo nhu cầu sử dụng điện. Đề xuất các giải pháp cấp điện, lưới truyền tải và phân phối điện. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng sạch khác (nếu có).

- Cấp nước:

+ Đánh giá về tài nguyên nước mặt, nước ngầm, đề xuất phương án lựa chọn nguồn nước và phân vùng cấp nước; Xác định tổng nhu cầu sử dụng nước, nguồn nước.

+ Xác định quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước.

+ Các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Xác định chỉ tiêu thoát nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang.

+ Dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang.

+ Định hướng thoát nước cho các đô thị, thu gom, xử lý chất thải rắn.

- Thủy lợi: Xác định mạng lưới thủy lợi chung đến mương cấp 2.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội vùng huyện:

Xác định và tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao...) trên địa bàn huyện.

đ) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Dự báo các vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn.

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái.

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu nhất là việc mực nước biển dâng.

- Dự báo các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch.

- Đề xuất các giải pháp tổng thể ngăn ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

e) Các dự án ưu tiên đầu tư: Đề xuất các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án phát triển kinh tế.
- Các chương trình phát triển đô thị.
- Các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật.
- Các dự án phát triển hạ tầng xã hội.
- Các chương trình phát triển nông thôn.

6. Yêu cầu về hồ sơ sản phẩm

Hồ sơ sản phẩm đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

7. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Châu Thành.
- Cơ quan lập quy hoạch: Lựa chọn cơ quan đủ năng lực theo quy định của pháp luật.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành và các cơ quan tỉnh Hậu Giang có liên quan.
- Cơ quan thẩm định, trình phê duyệt: Sở Xây dựng tỉnh Hậu Giang.
- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Hậu Giang.
- Tiến độ thực hiện: Không quá 09 tháng.

Điều 2. Giao UBND huyện Châu Thành phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức lập đồ án quy hoạch theo nội dung Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu cần thiết và bản đồ đã số hóa cho Đơn vị tư vấn để lập đồ án quy hoạch nhằm đảm bảo sự trùng khớp với bản đồ địa hình.

Điều 4. Giám đốc Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hậu Giang, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NCTH.PM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa